

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG**

Hệ đào tạo: Đại học chính quy
Ngành: Tài chính – Ngân hàng, Kế toán – Kiểm toán, Quản trị kinh doanh,
Kinh doanh thương mại, Công nghệ thông tin, Ngôn ngữ Anh

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG**
- Mã học phần: DCB.03.06
- Số tín chỉ: 2

Lí thuyết, bài tập, kiểm tra	Thảo luận, thực hành
24 (22 LT, 2 KT)	12
36 tiết	

(01 giờ chuẩn = 1 tiết LT, KT hoặc 02 tiết bài tập, thực hành, thảo luận trên lớp)

- Khoa, Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Pháp luật cơ sở
- Giảng viên phụ trách học phần:
 - 1) Họ và tên: TS. Phạm Minh Chiêu
Chức danh: Giảng viên
Thông tin liên hệ: ĐT: 0903297582; Email: chieuphamcshs@gmail.com
 - 2) Họ và tên: ThS. Nguyễn Thị Thu Hương
Chức danh: Giảng viên
Thông tin liên hệ: ĐT: 0984684536; Email: huong.k31.dhluat@gmail.com

2. Các học phần tiên quyết

Các học phần tiên quyết: Triết học Mác – Lê nin (DCB.03.11)

3. Mục tiêu của học phần:

3.1 Mục tiêu chung:

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật: nguồn gốc, bản chất nhà nước, pháp luật; những quy luật đặc thù của sự xuất hiện, tồn tại của nhà nước và pháp luật; đồng thời cung cấp những kiến thức khái quát cơ bản nhất về hệ thống pháp luật Việt Nam và một số ngành luật cụ thể, giúp sinh viên hiểu biết hơn về pháp luật và vận dụng vào thực tiễn cuộc sống.

3.2 Mục tiêu cụ thể

a) Về kiến thức: Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật và một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

b) Về kỹ năng: Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tự học, tư duy độc lập trong phân tích và giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn về chính trị - xã hội, pháp luật.

c) Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Giúp sinh viên có ý thức nâng cao hiểu biết về pháp luật và thực hiện pháp luật; chấp hành nghiêm túc quy định, nội quy quy chế của trường lớp, địa phương; tuyên truyền giáo dục người dân sống theo Hiến pháp và pháp luật.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

CLO 1: Vận dụng được kiến thức lý luận chung về nhà nước để giải thích được các vấn đề về bản chất, chức năng, bộ máy, hình thức Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

CLO 2: Vận dụng được kiến thức lý luận chung về pháp luật để giải thích được các vấn đề về nguồn gốc, hình thức, quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý của hệ thống pháp luật Việt Nam.

CLO 3: Giải quyết được tình huống thực tiễn dựa trên các quy định cơ bản của luật hiến pháp, pháp luật hành chính, pháp luật dân sự, pháp luật hình sự và pháp luật kinh tế.

CLO 4: Có ý thức chấp hành pháp luật, tuyên truyền pháp luật, nhận thức và có trách nhiệm công dân.

Ghi chú: CLO = Course Learning Outcomes = Chuẩn đầu ra của học phần.

5. Ma trận mức độ đóng góp của CDR học phần (CLO) vào CDR của CTĐT (PLO/PIs)

	CLOs	PLO PIs	PLO 1.3
			PI 1.3-1
1	CLO 1: Vận dụng được kiến thức lý luận chung về nhà nước để giải thích được các vấn đề về bản chất, chức năng, bộ máy, hình thức Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.		H
2	CLO 2: Vận dụng được kiến thức lý luận chung về pháp luật để giải thích được các vấn đề về nguồn gốc, hình thức, quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý của hệ thống pháp luật Việt Nam.		H
3	CLO 3: Giải quyết được tình huống thực tiễn dựa trên các quy định cơ bản của luật hiến pháp, pháp luật hành chính, pháp luật dân sự, pháp luật hình sự và pháp luật kinh tế.		H
4	CLO 4: Có ý thức chấp hành pháp luật, tuyên truyền pháp luật, nhận thức và có trách nhiệm công dân.		M

❖ Ghi chú:

- Mức độ đóng góp của CLO và PLO được xác định cụ thể như sau:
- + L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO
- + M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- + H (High) - CLO có đóng góp nhiều vào PLO

- Các mức độ L, M, H phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (mức L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế (mức M) hay mức thuần thực, thành thạo (mức H).

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: Tối thiểu 80% số tiết học trên lớp, trong phòng thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên;

- Bài tập, thảo luận:

+ Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thảo luận theo hướng dẫn của giáo viên;

+ Thực hiện đầy đủ các bài tập được giao;

- Làm bài kiểm tra định kỳ;

- Tham gia thi kết thúc học phần.

7. Tài liệu học tập:

7.1. Giáo trình chính:

[1]. TS.Trương Hồng Hải (chủ biên) – Pháp luật đại cương - NXB Thống Kê, 2013

7.2. Tài liệu tham khảo:

* Sách

[1]. Giáo trình Pháp luật đại cương, Học viện Tài chính – NXB Tài chính, 2009

* Văn bản quy phạm pháp luật

[1]. Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam năm 1946; 1959; 1980; 1992; 2013

[2]. Bộ luật Dân sự 2015

[3]. Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung 2017)

[4]. Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020)

[5]. Các văn bản pháp luật hướng dẫn khác

8. Nội dung học phần

8.1 Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Nội dung của học phần bao gồm những vấn đề cơ bản nhất, chung nhất về nhà nước và pháp luật như: Bản chất, chức năng, vai trò của nhà nước và pháp luật; các khái niệm và nội dung cơ bản của pháp luật; nội dung của một số ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật của nhà nước CHXHCN Việt Nam.

Các nội dung trên được trình bày trong 5 chương:

Chương 1: Lý luận chung về nhà nước. Chương này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguồn gốc ra đời, bản chất, đặc điểm, chức năng, kiểu nhà nước, hình thức nhà nước; hiểu được cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan trong bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Chương 2: Lý luận chung về pháp luật. Chương này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguồn gốc ra đời, bản chất, trình bày được khái niệm, đặc điểm của pháp luật; khái niệm quy phạm pháp luật; quan hệ pháp luật; khái niệm vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; xác định được hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan nhà nước.

Chương 3: Luật Hành chính Việt Nam. Chương này tập trung trình bày các nội dung cơ bản của Luật hành chính Việt Nam như đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, hệ

thông và vai trò của Luật hành chính; cung cấp các kiến thức về quy chế pháp lý hành chính về cán bộ, công chức và hoạt động quản lý hành chính nhà nước.

Chương 4: Luật Dân sự Việt Nam. Chương này cung cấp các kiến thức cơ bản về đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh; các chế định về quyền sở hữu và các nội dung về nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự.

Chương 5: Pháp luật kinh tế Việt Nam. Chương này cung cấp các kiến thức về đặc điểm, vai trò của Pháp luật kinh tế và các định hướng hoàn thiện Pháp luật kinh tế ở Việt Nam trong điều kiện hiện nay.

8.2 Ma trận phù hợp giữa các Chương của học phần với CDR học phần (CLO)

STT	Chương	CLO 1	CLO 2	CLO 3	CLO 4
1	Chương 1: Lý luận chung về nhà nước	A			
2	Chương 2: Lý luận chung về pháp luật		A	P	P
3	Chương 3: Luật hành chính Việt Nam			A	P
4	Chương 4: Luật dân sự Việt Nam			A	P
5	Chương 5: Pháp luật kinh tế			P	P

❖ **Ghi chú:** I: Introduction= Giới thiệu

P: Proficient=Thuần thục, đủ

A: Advanced= Nâng cao

9. Kế hoạch giảng dạy:

Bài dạy	Nội dung giảng dạy	Số tiết			CLO	Nhiệm vụ của SV
		LT	BT, KTTL, TH			
Bài 1	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu Đề cương môn học, hình thức tổ chức dạy học và vấn đề kiểm tra, đánh giá. - Giới thiệu tổng quan môn học: Vị trí của môn học, các khái niệm, phạm trù; thành tựu đã đạt được, những vấn đề còn tiếp tục nghiên cứu. - Chính sách với người học. - Chia nhóm SV <p>Chương 1. Lý luận chung về nhà nước</p> <p>1.1. Nguồn gốc và bản chất của nhà nước</p>	2		1	CLO 1	<ul style="list-style-type: none"> 1. SV đọc trước giáo trình chương 1, tài liệu tham khảo 2. Chuẩn bị câu hỏi thảo luận 3. Nghe giảng, thảo luận và làm bài tập

	<p>1.1.1 Nguồn gốc và đặc điểm của nhà nước</p> <p>1.1.2 Bản chất và chức năng của nhà nước</p>					
Bài 2	<p>Chương 1. Lý luận chung về nhà nước (Tiếp)</p> <p>1.2 Hình thức nhà nước và chế độ chính trị của nhà nước</p> <p>1.2.1 Hình thức nhà nước</p> <p>1.2.2 Chế độ chính trị của nhà nước</p> <p>1.3 Kiểu nhà nước</p> <p>1.3.1 Khái niệm kiểu nhà nước</p> <p>1.3.2 Các kiểu nhà nước trong lịch sử</p> <p>1.4 Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</p> <p>1.4.1 Lịch sử hình thành</p> <p>1.4.2 Bản chất của nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</p> <p>1.4.3 Chức năng của nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</p> <p>1.4.4 Bộ máy của nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</p>	2		1	CLO 1	<p>1. SV đọc trước giáo trình chương 1, tài liệu tham khảo</p> <p>2. Chuẩn bị câu hỏi thảo luận</p> <p>3. Nghe giảng, thảo luận và làm bài tập</p>
Bài 3	<p>Chương 2. Lý luận chung về pháp luật</p> <p>2.1 Khái niệm chung về pháp luật</p> <p>2.1.1 Nguồn gốc và đặc điểm của pháp luật</p> <p>2.1.2 Bản chất và chức năng của pháp luật</p> <p>2.1.3 Chức năng và vai trò của pháp luật</p> <p>2.1.4 Kiểu pháp luật</p> <p>2.1.4.1 Khái niệm kiểu pháp luật</p> <p>2.1.4.2 Các kiểu pháp luật trong lịch sử</p>	2		1	CLO 2 CLO 3	<p>1. SV đọc trước giáo trình chương 2, tài liệu tham khảo</p> <p>2. Chuẩn bị câu hỏi thảo luận</p> <p>3. Nghe giảng, thảo luận và làm bài tập</p>
Bài 4	<p>Chương 2. Lý luận chung về pháp luật (tiếp)</p> <p>2.2 Quy phạm pháp luật</p>	2	1		CLO 2 CLO 3	<p>1. SV đọc trước giáo trình chương</p>

	<p>2.2.1 Khái niệm, đặc điểm của quy phạm pháp luật</p> <p>2.2.2 Cấu trúc của quy phạm pháp luật</p> <p>2.2.3 Phân loại quy phạm pháp luật</p>					<p>2, tài liệu tham khảo</p> <p>2. Nghe giảng, thảo luận và làm bài tập</p> <p>3. SV làm bài kiểm tra cá nhân tại lớp</p>
Bài 5	<p>Chương 2. Lý luận chung về pháp luật (Tiếp)</p> <p>2.3 Quan hệ pháp luật</p> <p>2.3.1 Khái niệm, đặc điểm của quan hệ pháp luật</p> <p>2.3.2 Các yếu tố của quan hệ pháp luật</p> <p>2.3.3 Các căn cứ làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ pháp luật</p>	2		1	CLO 2 CLO 3	<p>1. SV đọc trước giáo trình chương 2, tài liệu tham khảo</p> <p>2. Chuẩn bị câu hỏi thảo luận</p> <p>3. Nghe giảng, thảo luận và làm bài tập</p>
Bài 6	<p>Chương 2. Lý luận chung về pháp luật (Tiếp)</p> <p>2.4 Hệ thống pháp luật</p> <p>2.4.1 Khái niệm, đặc điểm của hệ thống pháp luật</p> <p>2.4.2 Hệ thống cấu trúc của pháp luật</p> <p>2.4.3 Hình thức pháp luật</p> <p>2.5 Thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý</p> <p>2.5.1 Thực hiện pháp luật</p>	2		1	CLO 2 CLO 3	<p>1. SV đọc trước giáo trình chương 2, tài liệu tham khảo</p> <p>2. Chuẩn bị câu hỏi thảo luận</p> <p>3. Nghe giảng, thảo luận và làm bài tập</p>
Bài 7	<p>Chương 2. Lý luận chung về pháp luật (Tiếp)</p> <p>2.5.2 Vi phạm pháp luật</p> <p>2.5.3 Trách nhiệm pháp lý</p>	2		1	CLO 2 CLO 3	<p>1. SV đọc trước giáo trình chương 2 tài liệu tham khảo</p> <p>2. Chuẩn bị câu hỏi thảo luận</p> <p>3. Nghe giảng, thảo luận và làm bài tập</p>
Bài 8	<p>Chương 3: Luật hành chính Việt Nam</p> <p>3.1 Khái niệm Luật hành chính Việt Nam</p>	2	1		CLO 3 CLO 4	<p>1. SV đọc trước giáo trình chương 3, tài liệu tham khảo</p>

	<p>3.1.1 Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của Luật hành chính Việt Nam</p> <p>3.1.2 Hệ thống và vai trò của luật hành chính Việt Nam</p> <p>3.2 Quy chế pháp lý hành chính về cán bộ, công chức</p> <p>3.2.1 Khái niệm cán bộ công chức</p> <p>3.2.2 Hoạt động công vụ của cán bộ công chức</p> <p>3.2.3 Quản lý cán bộ công chức</p> <p>3.2.4 Khen thưởng và xử lý vi phạm</p> <p>3.3 Quản lý hành chính nhà nước</p> <p>3.3.1 Khái niệm quản lý hành chính nhà nước và các nguyên tắc quản lý hành chính nhà nước</p> <p>3.3.2 Hình thức và phương pháp quản lý hành chính nhà nước</p> <p>3.3.3 Thủ tục hành chính nhà nước</p>					<p>2. Nghe giảng, thảo luận và làm bài tập</p> <p>3. Làm bài kiểm tra cá nhân tại lớp</p>
Bài 9	<p>Chương 4: Luật dân sự Việt Nam</p> <p>4.1 Khái niệm Luật dân sự</p> <p>4.1.1 Đối tượng điều chỉnh của Luật dân sự</p> <p>4.1.2 Phương pháp điều chỉnh của Luật dân sự</p> <p>4.2 Quyền sở hữu</p> <p>4.2.1 Khái niệm quyền sở hữu</p> <p>4.2.2 Nội dung quyền sở hữu</p>	2		1	<p>CLO 3</p> <p>CLO 4</p>	<p>1. SV đọc trước giáo trình chương 4, tài liệu tham khảo</p> <p>2. Chuẩn bị câu hỏi thảo luận</p> <p>3. Nghe giảng, thảo luận và làm bài tập</p>
Bài 10	<p>Chương 4: Luật dân sự Việt Nam (tiếp)</p> <p>4.2.3 Hình thức sở hữu</p> <p>4.3 Nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự</p> <p>4.3.1 Nghĩa vụ dân sự</p> <p>4.3.2 Hợp đồng dân sự</p>	2		1	<p>CLO 3</p> <p>CLO 4</p>	<p>1. SV đọc trước giáo trình chương 4, tài liệu tham khảo</p> <p>2. Chuẩn bị câu hỏi thảo luận</p> <p>3. Nghe giảng, thảo luận và làm bài tập</p>

Bài 11	Chương 5: Pháp luật kinh tế Việt Nam 5.1 Khái niệm pháp luật kinh tế 5.2 Các nội dung chủ yếu của pháp luật kinh tế	2		1	CLO 3 CLO 4	1. SV đọc trước giáo trình chương 5 tài liệu tham khảo 2. Chuẩn bị câu hỏi thảo luận 3. Nghe giảng, thảo luận và làm bài tập
Bài 12	- Hệ thống kiến thức - Giải đáp thắc mắc, tư vấn nội dung và phương pháp ôn tập - Công bố điểm thành phần	3				1. SV nghe giảng và ghi chép nội dung ôn tập theo hướng dẫn của GV 2. Đặt câu hỏi và khiếu nại về điểm (nếu có)
	Tổng cộng	22	2	12		

10. Phương pháp dạy học

10.1 Các phương pháp dạy học được sử dụng

STT	Phương pháp dạy học	Lựa chọn
1	Phương pháp chung là thuyết trình kết hợp linh hoạt với các phương pháp dạy học tích cực sau đây:	x
2	Phương pháp dạy học nêu vấn đề	x
3	Phương pháp dạy học nhóm	x
4	Dạy học thực hành (phương pháp luyện tập)	x
5	Hướng dẫn tự học	x

10.2 Ma trận phù hợp giữa phương pháp dạy học với CLO

STT	Phương pháp dạy học	CLO 1	CLO 2	CLO 3	CLO 4
1	Phương pháp chung là thuyết trình kết hợp linh hoạt với các phương pháp dạy học tích cực sau đây:	x	x		
2	Phương pháp dạy học nêu vấn đề	x	x	x	x
3	Phương pháp dạy học nhóm	x	x	x	
4	Dạy học thực hành (phương pháp luyện tập)	x	x	x	

5	Hướng dẫn tự học	X	X	X	X
---	------------------	---	---	---	---

11. Đánh giá kết quả học tập

11.1. Phương pháp, hình thức đánh giá

11.1.1 Các phương pháp đánh giá

1) Đánh giá chuyên cần (Tham gia học trên lớp; ý thức, thái độ, chất lượng tham gia các hoạt động học tập)

2) Đánh giá kiến thức, kỹ năng: Bài tự luận

11.1.2 Các hình thức đánh giá

a) Đánh giá thường xuyên (chuyên cần, thảo luận, báo cáo bài tập nhóm)

b) Đánh giá định kỳ (2 bài kiểm tra 01 tiết)

c) Đánh giá tổng kết: Thi kết thúc học phần tự luận 60 phút.

11.2 Đánh giá mức độ đạt CDR của học phần

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	CLO	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Điểm chuyên cần	10	Đánh giá quá trình	Rubric	CLO 4	
02 bài kiểm tra tự luận 45 phút giữa kỳ	30	Tự luận	Rubric	CLO 1 CLO 2	50% 50%
Bài thi hết học phần tự luận 60 phút	60	Tự luận	Rubric	CLO 1 CLO 2 CLO 3	30% 30% 40%

11.3. Các Rubric đánh giá kết quả học tập

11.3.1 Các Rubric đánh giá bài kiểm tra tự luận trong kỳ và thi tự luận hết học phần

Tiêu chí đánh giá của từng câu hỏi trong đề thi	Mức chất lượng	Thang điểm
<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung đủ, trả lời đúng 85-100% câu hỏi. - Có phân tích mở rộng (phân tích đúng hướng và đủ ý). - Có ví dụ minh họa. - Trình bày rõ ràng, diễn đạt ngắn gọn, súc tích, logic. - Không có lỗi về thuật ngữ chuyên môn. - Không có lỗi chính tả. 	Mức A (Vượt quá mong đợi)	85 - 100
<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời đúng 70- dưới 85% câu hỏi. - Có mở rộng, phân tích đúng hướng nhưng chưa đủ ý. - Trình bày rõ ràng, diễn đạt logic. - Mắc ít lỗi (1-2 lỗi) về thuật ngữ chuyên môn. - Còn lỗi chính tả. 	Mức B (Đáp ứng được mong đợi)	70 - 84
<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời đúng 55- dưới 70% câu hỏi. - Không phân tích mở rộng. 	Mức C	55 - 69

<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày không rõ ý, chưa logic. - Mắc lỗi về thuật ngữ chuyên môn (3-4 lỗi). - Còn lỗi chính tả. 	(Đạt)	
<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời sai, lạc đề, hoặc phần trả lời đúng từ 40-55% câu hỏi. - Trình bày tối nghĩa, diễn đạt không rõ ý. - Mắc nhiều lỗi về thuật ngữ chuyên môn (5-6 lỗi). - Nhiều lỗi chính tả. 	Mức D (Đạt, song cần cải thiện)	40 – 54
<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời sai, lạc đề, phần trả lời đúng dưới mức 40%. - Không hiểu các thuật ngữ chuyên môn cơ bản, mắc nhiều lỗi về thuật ngữ chuyên môn (trên 6 lỗi). - Trình bày tối nghĩa, diễn đạt không rõ ý. - Nhiều lỗi chính tả. 	Mức F (Không đạt)	Dưới 40

11.3.2 Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Mức chất lượng	Thang điểm
<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia học tập trên lớp đạt trên 95% số tiết học - Tham gia tích cực thảo luận trên lớp - Ý thức, thái độ học tập tốt 	Mức A (Vượt quá mong đợi)	85 - 100
<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia học tập trên lớp đạt từ 90-95% số tiết học - Có tham gia thảo luận trên lớp - Ý thức, thái độ học tập tốt 	Mức B (Đáp ứng được mong đợi)	70 - 84
<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia học tập trên lớp đạt từ 85-90% số tiết học - Ít tham gia thảo luận trên lớp - Ý thức, thái độ học tập chưa cao 	Mức C (Đạt, song cần cải thiện)	55 - 69
<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia học tập trên lớp đạt từ 80-85% số tiết học - Không tham gia thảo luận trên lớp - Ý thức, thái độ học tập không nghiêm túc 	Mức D (Chưa đạt)	Dưới 55

12. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

- Giảng đường: Theo bố trí của PQLĐT.
- Danh mục trang thiết bị: Micro, máy chiếu, laptop.

Hà Nội, ngày 21 tháng 12 năm 2022

Hiệu trưởng

Viện trưởng

Trưởng bộ môn

Người soạn đề cương

PGS.TS. Phạm Ngọc Ánh

TS. Trương Hồng Hải

TS. Phạm Minh Chiêu

ThS. Nguyễn Thị Diễm